

CÁP ĐIỆN LỰC



**CÁP ĐIỆN LỰC, 1 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN
PVC-0,6/1KV, KHÔNG VỎ BỌC
POWER CABLE, SINGLE-CORE, COPPER CONDUCTOR,
PVC INSULATION - 0,6/1KV, NON-SHEATH.**

Ký hiệu : **CV - 0,6/1KV**

1. Cấu tạo :

Ruột dẫn : Bằng sợi đồng mềm xoắn đồng tâm.

Cách điện : PVC (Polyvinyl chloride).

- Composition :

Conductor : Concentric stranded annealed plain copper wires.

Insulation : PVC (Polyvinyl chloride).

2. Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1995 & TCVN 6612-2007.

- Applied standards: TCVN 5935-1995 & TCVN 6612-2007.

3. Nhận biết cáp: Màu đen hoặc theo yêu cầu.

- Cable identification: Black color or request

4. Các đặc tính của cáp:

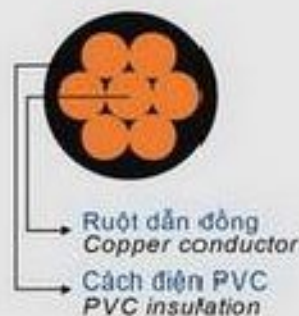
Điện áp định mức (U_0/U): 0,6/1KV.

Nhiệt độ ruột dẫn lớn nhất trong sử dụng bình thường : 70°C.

- Characteristics:

Voltage rate (U_0/U) : 0,6/1KV.

Max. rated conductor temperature in normal use : 70°C



Mặt cắt danh định Nominal area	Cấu tạo ruột dẫn Structure	Đường kính ruột dẫn Diameter of conductor	Bề dày cách điện Thickness insulation	Đường kính tổng Overall diameter	Điện trở ruột dẫn lớn nhất ở 20°C Max. conductor resistance at 20°C	Khối lượng gần đúng Approx. Weight
mm ²	N ^o /mm	mm	mm	mm	Ω/km	Kg/km
0.5	7/0,30	0,9	0,8	2,5	36,0000	11
0.75	7/0,37	1,1	0,8	2,7	24,5000	14
1	7/0,43	1,3	0,8	2,9	18,1000	18
1.5	7/0,52	1,6	0,8	3,2	12,1000	23
2.5	7/0,67	2,0	0,8	3,6	7,4100	34
3.5	7/0,80	2,4	0,9	4,0	5,2929	45
4	7/0,85	2,6	1,0	4,4	4,6100	52
5.5	7/1,00	3,0	1,0	4,9	3,3527	69
6	7/1,04	3,1	1,0	5,1	3,0800	75
8	7/1,20	3,6	1,0	5,6	2,3100	97
10	7/1,35	4,1	1,0	6,1	1,8300	121
11	7/1,40	4,2	1,0	6,3	1,6636	131
14	7/1,60	4,8	1,0	7,0	1,3071	165

CÁP ĐIỆN LỰC

Mặt cắt danh định <i>Nominal area</i>	Cấu tạo ruột dẫn <i>Structure</i>	Đường kính ruột dẫn <i>Diameter of conductor</i>	Bề dày cách điện <i>Thickness insulation</i>	Đường kính tổng <i>Overall diameter</i>	Điện trở ruột dẫn lớn nhất ở 20°C <i>Max. conductor resistance at 20°C</i>	Khối lượng gần đúng <i>Approx. Weight</i>
mm ²	N ^o /mm	mm	mm	mm	Ω/km	Kg/km
16	7/1,70	5,1	1,0	7,4	1,1500	186
22	7/2,00	6,0	1,2	8,4	0,8364	250
25	7/2,14	6,4	1,2	8,9	0,7270	283
30	7/2,30	6,9	1,2	9,5	0,6058	326
35	7/2,52	7,6	1,2	10,3	0,5240	388
38	7/2,62	7,9	1,2	10,7	0,4826	418
50	19/1,80	9,0	1,4	11,9	0,3870	526
60	19/2,00	10,0	1,4	13,0	0,3225	641
70	19/2,14	10,7	1,4	13,8	0,2680	730
75	19/2,24	11,2	1,6	14,4	0,2501	798
95	19/2,52	12,6	1,6	15,9	0,1930	997
100	19/2,60	13,0	1,6	16,3	0,1834	1.057
120	19/2,82	14,1	1,6	17,6	0,1530	1.239
125	19/2,90	14,5	1,6	18,1	0,1469	1.310
150	37/2,28	16,0	1,8	19,8	0,1240	1.568
185	37/2,52	17,6	2,0	21,6	0,0991	1.899
200	37/2,62	18,3	2,1	22,5	0,0917	2.055
240	61/2,24	20,2	2,2	24,5	0,0754	2.465
250	61/2,28	20,5	2,2	24,9	0,0724	2.545
300	61/2,50	22,5	2,4	27,3	0,0601	3.058
325	61/2,60	23,0	2,4	28,2	0,0555	3.294
350	61/2,70	24,3	2,5	29,3	0,0515	3.552
400	61/2,90	26,1	2,6	31,3	0,0470	4.084
500	61/3,22	29,0	2,8	34,6	0,0366	5.003
630	91/2,95	32,5	2,8	38,1	0,0283	6.202
800	91/3,34	36,7	2,8	42,3	0,0221	7.863

* Beside above sizes, we also produce others size depend to Customer's requirement